

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 147/2021/DS-ST

Ngày 07/5/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
giao khoán.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý, chức vụ: Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 691/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Công C, sinh năm 1960 –Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 15, xã H, huyện K, tỉnh Đắk

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T).

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957 (Theo văn bản ủy quyền số 313/GUQ ngày 06 tháng 8 năm 2020.

Địa chỉ: 65 T, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Công C trình bày:

Vào ngày ngày 25 tháng 8 năm 2011 tôi có làm đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên, đến ngày 27 tháng 8 năm 2011 tôi và Công

ty TNHH một thành viên cà phê T (nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 278/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Vườn cà phê mà tôi đã nhận khoán chăm sóc là cà phê Vối trồng năm 2005, của có diện tích 10.270m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 15/2, thửa đất số 11a, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thửa đất thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn hợp đồng là 15 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng ngày 27 tháng 8 năm 2011. Quá trình nhận khoán theo hợp đồng khoán gọn từ ngày 27 tháng 8 năm 2011 giữa tôi và Công ty không ký phụ lục hợp đồng nào khác. Từ năm 1998 tôi ký hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm với công ty, phần công ty được hưởng 51%, người lao động là 49%. Đến ngày 27/8/2011 tôi ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cho hộ nông trường viên số 278/2011/HĐ-GK. Vào thời điểm ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, tuy nhiên vào thời điểm ký hợp đồng, hợp đồng được soạn sẵn, tôi chỉ ký mà không được Công ty giải thích về hợp đồng, không ký thì không có đất để canh tác sản xuất nên tôi đã ký.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ niên vụ 2011-2012 đến niên đến niên vụ 2017-2018 thì diễn ra bình thường, gia đình nộp sản lượng đầy đủ cho Công ty, các vấn đề khác với Công ty thì cũng đều thực hiện tốt. Đến năm 2018 (tức niên vụ 2018-2019), thì phát hiện Công ty có sự gian lận trong việc thực hiện hợp đồng. Cụ thể: Công ty đã gian lận chi phí nhân công trong 07 năm (từ năm 2011 đến năm 2017); Gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân trong 07 năm (từ năm 2011 đến năm 2017) và gian lận tiền tưới giếng của tôi (từ năm 2011 đến năm 2018), do đó tôi đã khởi kiện Công ty đến Tòa án với các yêu cầu sau:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 1ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 1ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền tưới giếng cho diện tích 1ha (từ năm 2011-2018) là 7.344.000 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền là 118.602.753,2 đồng (*Một trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ hai ngàn bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Việc khởi kiện yêu cầu các nội dung trên bản thân người lao động dựa vào thực tế để tính và các văn bản mà Công ty trình lên UBND tỉnh Đắk Lắk cũng như theo định mức kinh tế kỹ thuật của UBND tỉnh Đắk Lắk đã phê duyệt. Sau khi nhận khoán thì gia đình có cải tạo, tái canh vườn cây dưới hình thức trồng dặm nên mới có sản lượng thu hoạch. Hiện nay cà phê trồng năm 1984 còn khoảng 50%, còn lại khoảng 50% là cà phê được trồng dặm mới. Hàng năm tôi đóng sản lượng cho Công ty theo như ghi trong hợp đồng, định mức theo từng niên vụ là 5,25kg cà phê nhân, tương đương 2.888kg cà phê tươi.

Đối với yêu cầu thứ nhất của là “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của cho diện tích 1,2ha trong 07

năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng”, thì bình quân một năm Công ty đã gian lận chi phí nhân công của tôi 12.422.107,6 đồng, việc tính toán này chúng tôi dựa vào thực tế và phương án công ty đã trình lên UBND tỉnh. Bảng thống kê chi phí lao động cho diện tích 01 ha cà phê năm 2011 mà tôi cung cấp cho Tòa án là dựa vào chi phí thực tế và phương án công ty đã trình lên UBND tỉnh chưa được cơ quan chức năng nào xác nhận.

Đối với yêu cầu thứ hai “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận cho diện tích 1ha 07 năm (từ 2011-2017) là 24.304.000đồng”, thì Công ty đã gian lận số cà phê quả tươi của tôi trong 01 năm là 434kg cà phê quả tươi/năm x 8.000đ/kg x7 năm = 3.472.000đồng/năm. Tôi căn cứ vào biên bản làm thành cà phê quy nhân đề ngày 09 tháng 11 năm 2019 đã nộp cho Tòa án, đây là chứng cứ do người lao động trực tiếp làm là 4,1kg cà phê tươi = 01 kg cà phê nhân. Văn bản này do người dân tự làm, được ông con cùng xác nhận chứ không có cơ quan nào xác nhận. Khi phát hiện Công ty đã gian lận số cà phê quả tươi thì chưa có yêu cầu Công ty xem xét lại mà nộp đơn khởi kiện đến Tòa án.

Đối với yêu cầu thứ ba “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền tưới giềng cho diện tích 1ha (từ năm 2011-2018) là 7.344.000 đồng”. Như vậy bình quân một năm Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí của tôi là 918.000đồng/năm.

Tại phiên tòa hôm nay tôi xin được rút 02 yêu cầu khởi kiện về việc “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 1ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 1ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng” và giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí (từ năm 2012-2018) là 7.344.000đồng.

Ngoài yêu cầu khởi kiện trên tôi không còn yêu cầu nào khác, đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà tôi đã cung cấp để buộc công ty thanh toán cho tôi khoản tiền 7.344.000đồng theo quy định của pháp luật.

2.Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T), ông Phạm Đình B trình bày:

Vào ngày 27/8/2011 giữa ông Phan Công C và Công ty Công ty TNHH một thành viên cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 278/HĐ-GK. Theo hợp đồng thì ông Phan Công C đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Với trồng năm 2005, của có diện tích 10.270m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 15/2, thửa đất số 11a, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thửa đất thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn là 15 năm. Mức giao khoán hằng năm ông Phan Công C phải nộp về Công ty theo thỏa thuận đã được ghi trong Hợp đồng giao khoán. Chất lượng cà phê: Tỷ lệ quả chín: $\geq 85\%$; Tỷ lệ cà phê quả vàng: $\leq 12\%$; Tỷ lệ quả xanh: $\leq 3\%$; Tỷ lệ tạp chất: $\leq 0,5\%$. Hai bên ký kết hợp đồng dựa vào Quyết định 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Tờ trình số 16/TT-CT ngày 14/02/2011 của Công ty TNHH MTV cà phê T;

Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên ngày 28/01/2011; Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cà phê ngày 10/02/2011; Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2010 ngày 26/3/2010.

Với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công C, thì phía bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do Công ty hoàn toàn không đồng ý là vì: Giữa ông Phan Công C với Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) đã ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau là dựa trên Bộ luật dân sự, Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết hội nghị đại biểu người lao động ngày 26/3/2010, Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cà phê ngày 10 tháng 02 năm 2011 và từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty, Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên mà nòng cốt của phương án là trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi “Phương án Hợp đồng hợp tác đầu tư & phân chia sản phẩm” mà Công ty đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2010. Việc ký hợp đồng giữa ông với Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Và trước khi ký hợp đồng thì có hội đồng xét duyệt đơn, sau đó Tổng giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng với ông Phan Công C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông C xin rút các yêu cầu khởi kiện về việc “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công cho diện tích 1,2ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận cho diện tích 1ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000 đồng” thì công ty không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí (từ năm 2011-2018) là 7.344.000 đồng thì công ty không đồng ý vì lý do, Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê. Do đó, về công lao động sống đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01 ha cà phê (phần 51% = 3.397.205đ). Tại trang 9, 10 (phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh phê duyệt đã ghi rõ). Theo công văn số 61 ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh thì “Việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả”, do đó, việc ông C yêu cầu Công ty phải trả cho ông 7.344.000 đồng là không có cơ sở.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho các đương sự làm bản tự khai và tiến hành đối chất, công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Phan Công C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền

thủy lợi phí thuê giếng tưới nước cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2018) là 7.344.000 đồng; Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận yêu cầu và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2018) là 7.344.000đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông đối với tổng số tiền 111.258,753,2 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công C, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) có địa chỉ tại xã H, huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công C đối với bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T). Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Vào ngày 27 tháng 8 năm 2011, giữa ông Phan Công C với Công ty TNHH MTV cà phê T có ký kết với nhau hợp đồng số 278/2011/HĐ-GK. Việc ký hợp đồng giữa các bên dựa trên đơn xin khoán vườn cây cà phê của ông Phan Công C gửi Công ty. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 thì

ông đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Qua xem xét Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán, ông đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký kết với Công ty kể từ ngày ký cho đến hết niên vụ cà phê 2017-2018 và các bên không có tranh chấp gì. Và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thừa nhận có ký Hợp đồng song vụ này. Do đó xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xem xét nội dung khởi kiện của ông Phan Công C, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 và hợp đồng mà ông đã ký với Công ty thì: Tại Điều 1 của hợp đồng có nêu: *“1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”*. Và tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng thì khi ký kết hợp đồng hai bên không đề cập đến thủy lợi phí là thuê giếng tưới. Các bên chỉ đề cập tới khấu hao hồ đập, kênh mương. Cụ thể: *“Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm”* (điểm c khoản 2 Điều 2 của hợp đồng) và *“Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của Công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm”* (điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng). Đồng thời, tại trang 9, 10 Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh phê duyệt đã ghi rõ. Trường hợp ông tưới nước từ kênh mương của Công ty thì phải trả lại tiền khấu hao kênh mương, thủy lợi cho Công ty phần 49% là 245.000đồng/ha/năm. Trong phần tính toán chi phí đầu tư để khấu trừ Công ty đã trả 255.000đồng/ha/năm (khấu hao kênh mương phần 51%) cho người nhận khoán. Mặt khác, theo Thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk có nêu: *“...việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả;”*.

Mặt khác, tại thời điểm ký hợp đồng giữa ông với Công ty thì ông không có ý kiến gì với Công ty về việc tưới giếng đối với vườn cây nhận khoán. Và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông cũng hoàn toàn không có đơn gửi Công ty đề nghị Công ty điều chỉnh lại hợp đồng do có một số vấn đề liên quan đến việc nhận khoán vườn cây không còn phù hợp với thực tế cụ thể là chi phí tưới giếng.

Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên. Căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh; Luật đất đai năm 2003. Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Công C rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền 111.258,753,2 đồng. Ông không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tổng số tiền mà ông đã rút. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C đối với tổng số tiền 111.258,753,2 đồng. Ông Phan Công C được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công C không được chấp nhận nên ông Phan Công C phải chịu 367.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.965.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Phan Công C đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K theo các biên lai thu số AA/2019/0015837 ngày 05/8/2020.

Ông Phan Công C được nhận lại số tiền 2.598.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2018) là 7.344.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông đối với tổng số tiền 111.258,753,2 đồng.

Ông Phan Công C được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Nguyên đơn ông Phan Công C phải chịu 367.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.965.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Phan Công C đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K theo các biên lai thu số AA/2019/0015837 ngày 05/8/2020.

Ông Phan Công C được nhận lại số tiền 2.598.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Kkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

H'Năm Bkrông

